TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 243/2022/DS-PT
Ngày: 16-5-2022
"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản."

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Thịnh

Các Thẩm phán: 1. Bà Trịnh Thị Ánh
2. Bà Lê Thị Anh Minh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Long Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:
Bà Võ Phạm Phương Hạnh - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Vào ngày 16 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 19/DSPT ngày 25/01/2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" do Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2021/DS-ST ngày 12 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1642/2022/QĐXX-PT, ngày 27/4/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 1655/QĐ-PT, ngày 11/5/2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Trần Thị H** - Sinh năm: 1968.
Địa chỉ: số 344A đường Lê Hồng Phong, Phường 1, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Bà **Trần Thụy Mai A** - Sinh năm: 1985.
Địa chỉ thường trú: 175/16 Hồ Văn Long, khu phố 1, Phường Bình Hưng Hòa B, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.
Người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thụy Mai Anh:
Bà Phạm Thị Ngọc Th - Sinh năm: 1976.
Địa chỉ: 499 Hồng B, Phường 14, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh. Đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 27/02/2021) (Có mặt khi xét xử và tuyên án).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 02/11/2020 và tại các bản tự khai, biên bản hòa giải, nguyên đơn bà Trần Thị H trình bày:

Ngày 19/6/2020 tại Phòng công chứng Nguyễn Hồng Hà, trụ sở số 40A đường Nguyễn Thái Sơn, Phường 3, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, bà H và bà Trần Thụy Mai A có ký hợp đồng vay tiền; với nội dung bà Trần Thụy Mai A vay bà H số tiền 19.000.000.000 đồng, thời hạn vay là 30 ngày kể từ ngày hợp đồng này được công chứng. Cùng ngày bà Mai A đã nhận đủ số tiền 19.000.000.000 đồng, có văn bản xác nhận và cam kết sẽ dùng số tiền có được từ việc chuyển nhượng các bất động sản của bà Mai A để trả nợ cho bà H. Nhưng hết thời hạn vay 30 ngày bà Mai A vẫn không trả nợ gốc và lãi. Bà H đã rất nhiều lần liên lạc nhưng bà Mai A cứ hứa hẹn và sau đó trốn tránh không trả nợ. Nay bà H yêu cầu cá nhân bà Trần Thụy Mai A phải có trách nhiệm trả ngay số tiền 19.000.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 22/7/2020 đến ngày 12/01/2021 với lãi suất 10%/năm là 895.100.000 đồng, thanh toán làm một lần ngay khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn bà Trần Thụy Mai A đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng vắng mặt nên Tòa án không thu thập được ý kiến và tài liệu chứng cứ của bà Mai Anh đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.
Ngày 08/01/2021 nguyên đơn bà Trần Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2021/DSST ngày 12/01/2021, Tòa án nhân dân Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

- Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

- Căn cứ vào Khoản 2 Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc bà Trần Thụy Mai A có trách nhiệm thanh toán cho bà Trần Thị H số tiền còn nợ theo Hợp đồng vay tiền do các bên xác lập ngày 19/6/2020 như sau: tiền gốc là 19.000.000.000 đồng *(mười chín tỷ đồng)*; lãi là 895.100.000 đồng *(tám trăm chín mươi lăm triệu một trăm ngàn đồng)*. Tổng cộng là 19.895.100.000 đồng *(mười chín tỷ tám trăm chín mươi lăm triệu một trăm*

ngàn đồng), trả ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các bên.

Sau khi xử sơ thẩm:

Ngày 03/02/2021, bị đơn bà Trần Thụy Mai A có đơn kháng cáo quá hạn yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm vì thực tế bà Mai Anh đã có thanh toán cho bà Trần Thị H nguyên đơn một phần nợ gốc và lãi suất.

Ngày 23/11/2021 Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có Quyết định chấp nhận việc kháng cáo quá hạn số 35/2021/QĐ-PT, chấp nhận việc kháng cáo quá hạn của bà Trần Thụy Mai A.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn bà Trần Thụy Mai A do bà Phạm Thị Ngọc Th đại diện theo ủy quyền vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm vì thực tế bà Trần Thụy Mai A đã có thanh toán cho bà Trần Thị H nguyên đơn 4.313.034.000 đồng và nợ gốc chỉ là 11.320.000.000 đồng.

Nguyên đơn bà Trần Thị H không có kháng cáo và có bản tự khai không thừa nhận bà Trần Thụy Mai A đã có thanh toán cho bà Trần Thị H nguyên đơn một phần nợ gốc và lãi suất như bà Trần Thụy Mai A trình bày. Bà Trần Thị H yêu cầu giữ nguyên quyết định bản án sơ thẩm đồng thời bà H có đơn xin xét xử vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết phúc thẩm ghi ngày 09/5/2022 và cam kết không không thắc mắc khiếu nại về sau gửi qua văn phòng Tòa án.

Các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và không có tài liệu chứng cứ mới bổ sung tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa giữ nguyên toàn bộ nội dung đã kháng nghị và phát biểu ý kiến:

Về việc chấp hành pháp luật theo tố tụng tại cấp phúc thẩm: Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ, đúng trình tự quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 ở giai đoạn phúc thẩm.

Về nội dung: Xét bị đơn bà Trần Thụy Mai A kháng cáo cho rằng thực tế nợ gốc chỉ là 11.320.000.000 đồng và bà Trần Thụy Mai A đã có trả cho bà H nguyên đơn 4.313.034.000 đồng, trong khi không được bà H thừa nhận và bà Mai Anh không có tài liệu chứng cứ chứng minh nên không có căn cứ xem xét chấp nhận. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 tuyên không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Trần

Thụy Mai Anh, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 13/2021/DS-ST ngày 12/01/2021 của Tòa án nhân dân Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục kháng cáo, kháng nghị:

Xét việc kháng cáo quá hạn của bị đơn bà Trần Thụy Mai A được Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có Quyết định chấp nhận việc kháng cáo quá hạn số 35/2021/QĐ-PT ngày 23/11/2021, thủ tục kháng cáo đã thực hiện đầy đủ theo đúng quy định pháp luật nên được chấp nhận để xem xét về nội dung, yêu cầu kháng cáo.

[2] Xét bà Mai Anh kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét việc bà Anh đã có thanh toán cho bà Trần Thị H nguyên đơn một phần nợ gốc và lãi suất thấy rằng:

[2.1] Tại "Hợp đồng vay tiền" số 002172 quyển số 06TP/CC-SCC/HĐGD ngày 19/6/2020 lập tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Hồng Hà, Thành phố Hồ Chí Minh, nội dung thể hiện nguyên đơn bà Trần Thị H có cho bị đơn bà Trần Thụy Mai A vay số tiền 19.000.000.000 đồng, thời hạn vay là 30 ngày kể từ ngày ký hợp đồng công chứng và lãi suất là do các bên tự thỏa thuận theo lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước. (BL85-86).

[2.2] Theo "Văn bản xác nhận và cam kết" Công chứng số 000976 quyển số 06-SCT/CK ngày 19/6/2020 tại Văn phòng công chứng Nguyễn Hồng Hà, Thành phố Hồ Chí Minh nội dung thể hiện bà Mai A xác nhận đã nhận đủ số tiền 19.000.000.000 đồng từ bà Trần Thị H nguyên đơn và cam kết sẽ:

- "Chuyển nhượng căn nhà và quyền sử dụng đất tại địa chỉ 175/16 Hồ Văn Long, khu phố 1, phường Bình Hưng Hòa B, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh;".

- "Chuyển nhượng hoặc đề nghị tăng hạn mức vay tại Ngân hàng TMCP Quân đội Chi nhánh Sài Gòn đối với bất động sản tại địa chỉ 223/1A An Dương Vương, Khu phố 4, phường An Lạc, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh và tại Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh đối với căn nhà tại địa chỉ 1345 Tỉnh lộ 43, Khu phố 2, phường Bình Chiểu, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh". … "để thanh toán khoản vay giữa tôi và bà Trần Thị Hoài, sinh năm: 1968, căn cước công dân số: 079168008121 theo Hợp đồng vay tiền đã được Văn phòng công chứng Nguyễn Hồng Hà, Thành phố Hồ Chí Minh

chứng nhận ngày 19/6/2020, số công chứng 002172". Và bà Mai Anh đã giao cho bà H giữ các giấy tờ gồm: hộ khẩu + căn cước công dân + giấy chứng nhận độc thân (BL83-84).

Như vậy có căn cứ xác định giữa bà Trần Thị H nguyên đơn và bà Trần Thụy Mai A bị đơn đã có quan hệ vay mượn tiền được quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự, với kỳ hạn vay là 30 ngày - kể từ ngày 19/6/2020 như cấp sơ thẩm đã xác định.

[2.3] Bị đơn bà Mai Anh kháng cáo cho rằng đã có thanh toán cho bà Trần Thị H nguyên đơn số tiền 4.313.034.000 đồng nhưng không có giấy tờ, tài liệu chứng minh; trong khi bà H vẫn cho rằng bà Trần Thụy Mai A hoàn toàn chưa trả khoản tiền gốc hay lãi nào đối với khoản vay theo hợp đồng mà các bên đã ký kết ngày 19/06/2020 tại Văn phòng công chứng Nguyễn Hồng Hà. Xét tại cấp phúc thẩm bà Trần Thụy Mai A có photo giao nộp một số mẫu tin nhắn để chứng minh việc đã có trả một phần tiền lãi cho bà Hoài. Tuy nhiên các tài liệu (mẫu tin nhắn) mà bà Mai Anh giao nộp không thể hiện nội dung tương tác giữa người nhắn - gửi và ngày nhắn - gửi và cho một giao dịch nào. Hoặc một vài mẫu tin có thể hiện ngày nhưng tất cả đều trước ngày 19/6/2020 là ngày bà Mai Anh ký hợp đồng công chứng vay tiền bà H như trên đã viện dẫn (BL126-162).

[3] Xét tại cấp sơ thẩm, địa chỉ số 223/1A, đường An Dương V, khu phố 4, quận Bình T, Thành phố Hồ Chí Minh thể hiện là địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú của bà Trần Thụy Mai A bị đơn sử dụng trong các giao dịch theo các tài liệu tại hồ sơ vụ án gồm: Căn cước công dân (BL75); Sổ hộ khẩu (BL74); Hợp đồng vay tiền (85-86); Văn bản xác nhận và cam kết (BL83-84); Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CM 219483 của Sở tài nguyên và môi trường Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 16/8/2018, cập nhật tên bà Trần Thụy Mai A ngày 29/4/2000 (BL80-82); Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân của bà Trần Thụy Mai A ngày 04/6/2000 (BL77); cùng các Hợp đồng tín dụng của bà Trần Thụy Mai A với Ngân hàng (BL50-54). Ngoài ra, ngay cả tại Đơn kháng cáo ngày 03/02/2021 (BL163) và Giấy ủy quyền lập ngày 27/02/2021 tại Văn phòng công chứng (BL165-166) của bà Mai Anh - bà Mai A vẫn thể hiện địa chỉ thường trú là địa chỉ số 223/1A, đường An Dương V, khu phố 4, quận Bình T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Như vậy khi giải quyết vụ án, sau khi đã xác minh tất cả các địa chỉ có liên quan đến bà Mai Anh theo hồ sơ vụ án thể hiện - cấp sơ thẩm xác định và thực hiện các thủ tục tố tụng đối với bị đơn bà Trần Thụy Mai A tại địa chỉ số 223/1A, đường An Dương V, khu phố 4, quận Bình T, Thành phố Hồ Chí Minh

là có căn cứ, theo đúng hướng dẫn tại Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

Từ những nhận định và phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Trần Thụy Mai Anh. Cần giữ nguyên quyết định bản án sơ thẩm như ý kiến phân tích phát biểu đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố hồ Chí Minh tại phiên tòa.

Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên bà Trần Thụy Mai A phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ khoản 1 Điều 308; Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Trần Thụy Mai Anh.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2021/DS-ST ngày 12 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân quận Bình T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc bà Trần Thụy Mai A có trách nhiệm thanh toán cho bà Trần Thị H số tiền còn nợ theo Hợp đồng vay tiền do các bên xác lập ngày 19/6/2020 như sau: tiền gốc là 19.000.000.000 đồng *(mười chín tỷ đồng)*; lãi là 895.100.000 đồng *(tám trăm chín mươi lăm triệu một trăm ngàn đồng)*. Tổng cộng là 19.895.100.000 đồng *(mười chín tỷ tám trăm chín mươi lăm triệu một trăm ngàn đồng)*, trả ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày bà Trần Thị H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Trần Thụy Mai A chưa thi hành khoản tiền nêu trên thì hàng tháng bà Trần Thụy Mai A phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Về án phí: Bà Trần Thụy Mai A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 127.895.100 đồng (một trăm hai mươi bảy triệu tám trăm chín mươi lăm ngàn một trăm đồng). Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí mà Trần Thị H đã nộp là

79.423.200 đồng (bảy mươi chín triệu bốn trăm hai mươi ba ngàn hai trăm đồng) theo Biên lai thu số AA/2019/0062381 ngày 05/11/2020 và số AA/2019/0062428 ngày 12/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân.

Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Trần Thụy Mai A phải chịu là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm bà Anh đã nộp theo "Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án" số AA/2021/0033144 ngày 29/12/2021 của Chi cục thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TANDTC;
- TAND Cấp cao tại TP. HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND quận Bình Tân;
- VKSND quận Bình Tân;
- Chi cục THADS quận Bình Tân;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án (20).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Bá Thịnh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trịnh Thị Ánh **Lê Thị Anh Minh** **Nguyễn Bá Thịnh**